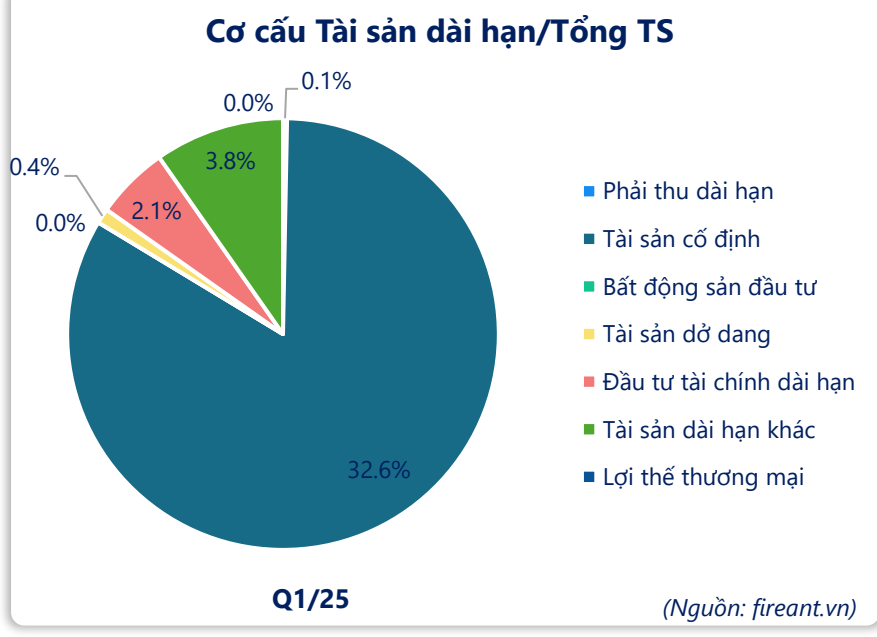
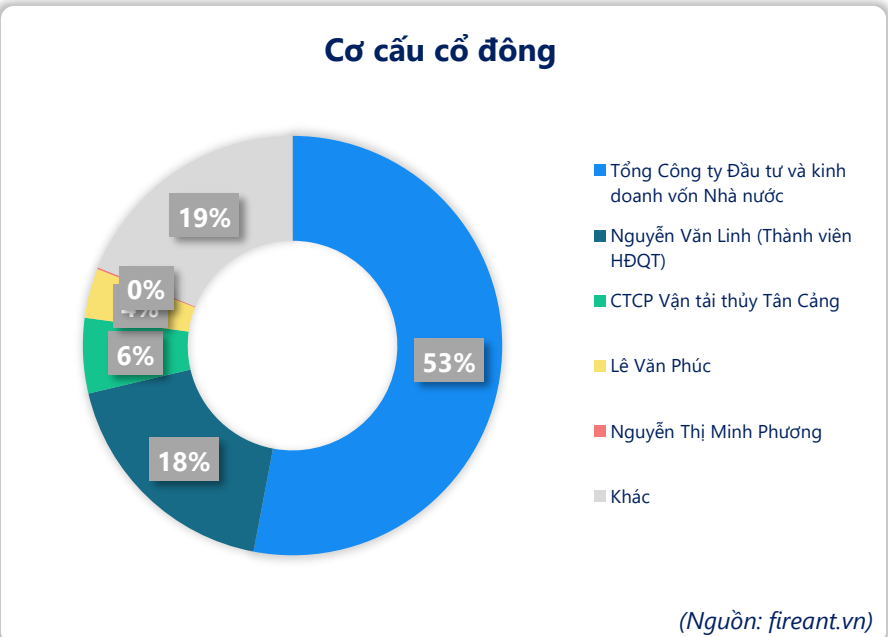
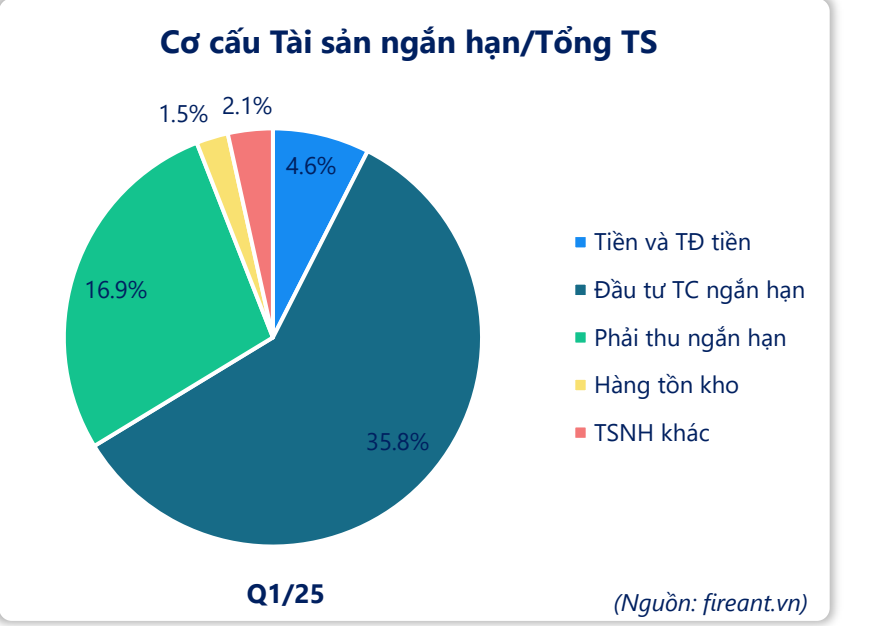
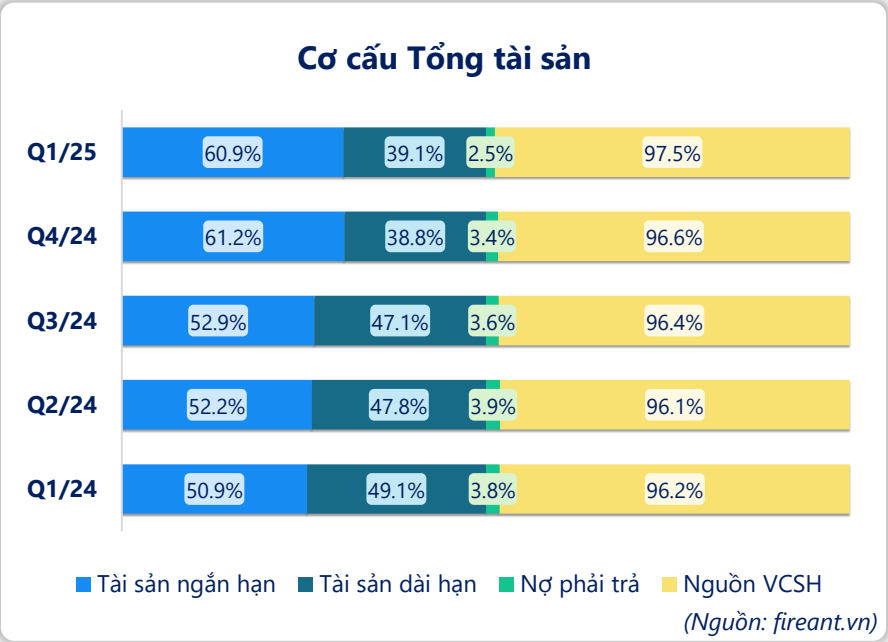
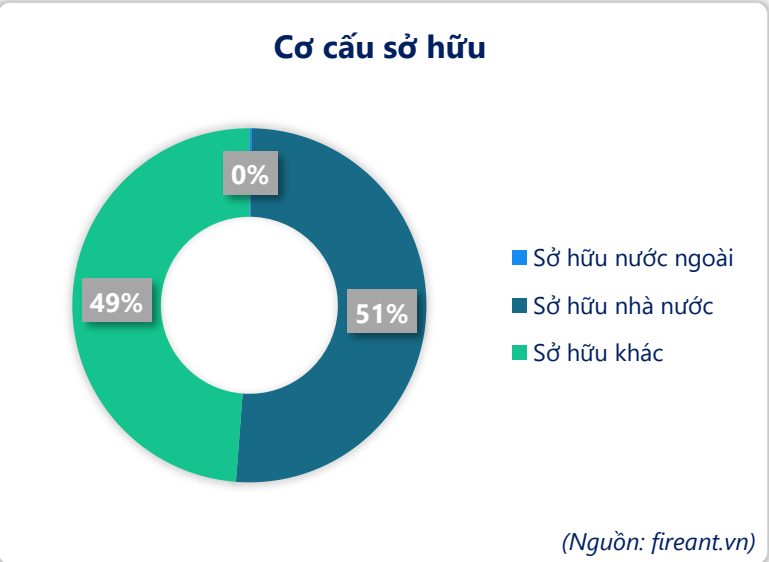
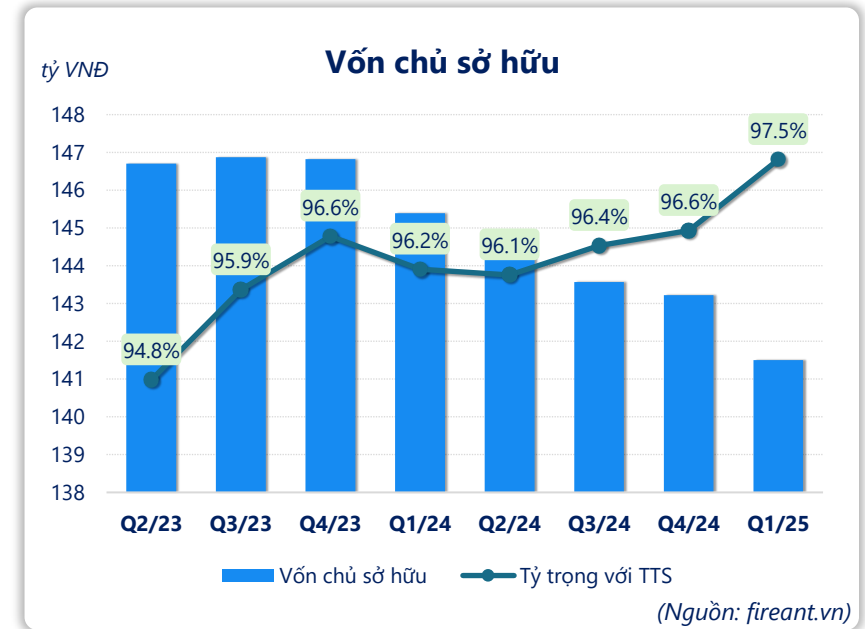
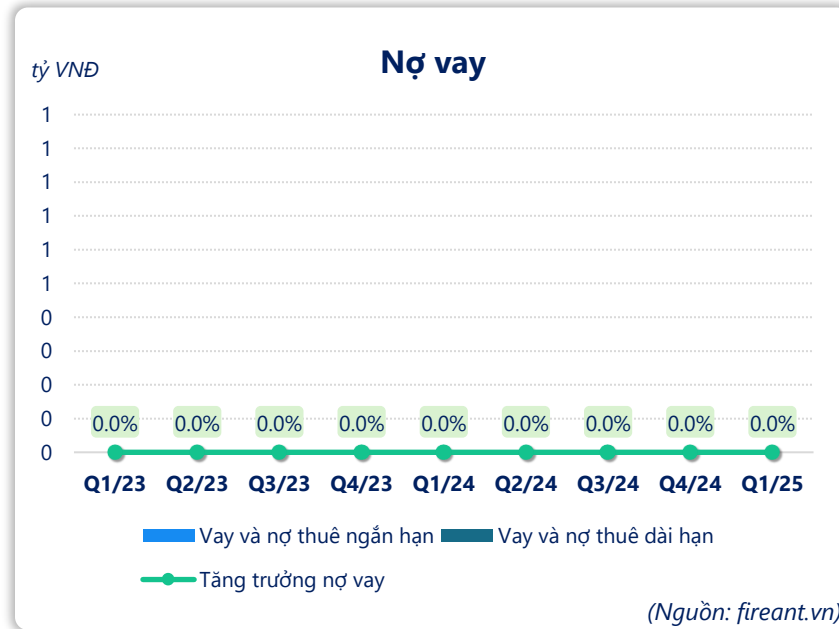
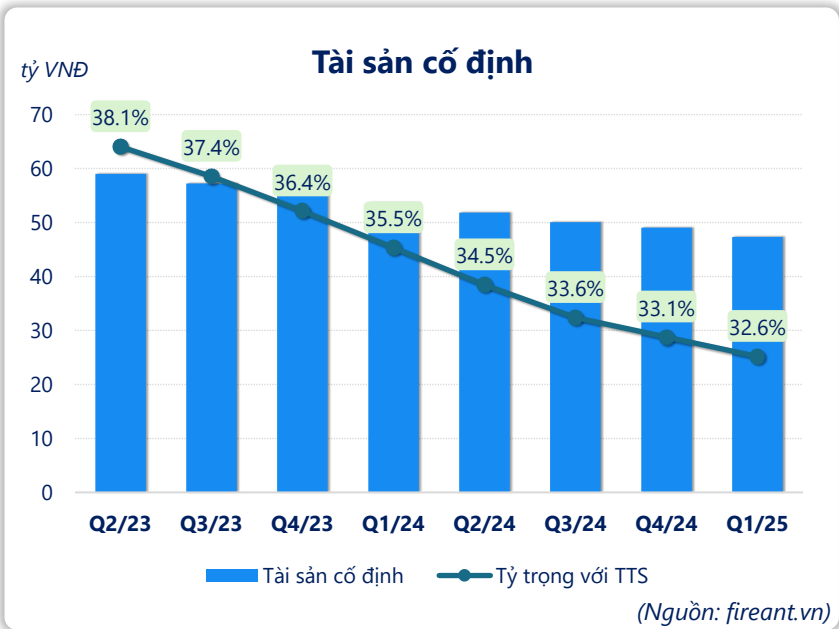
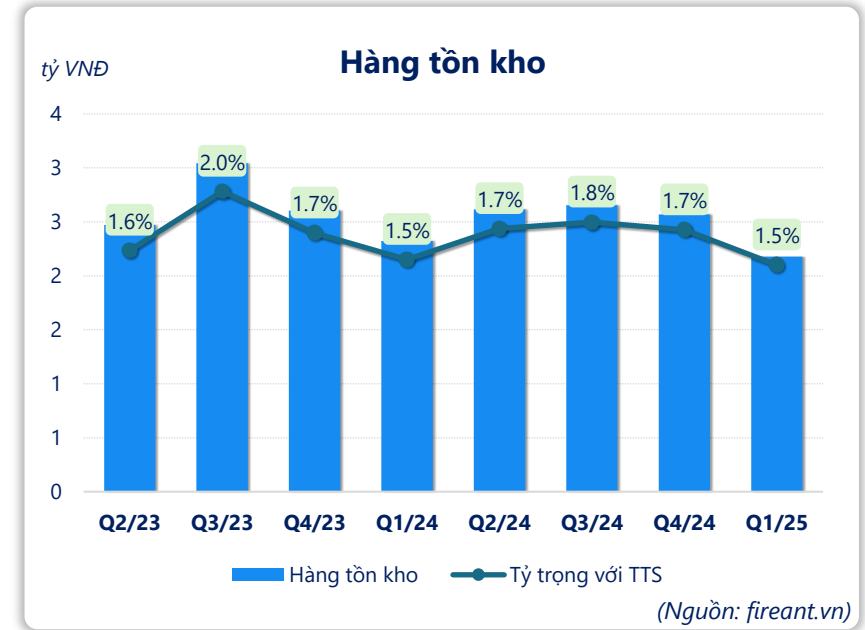
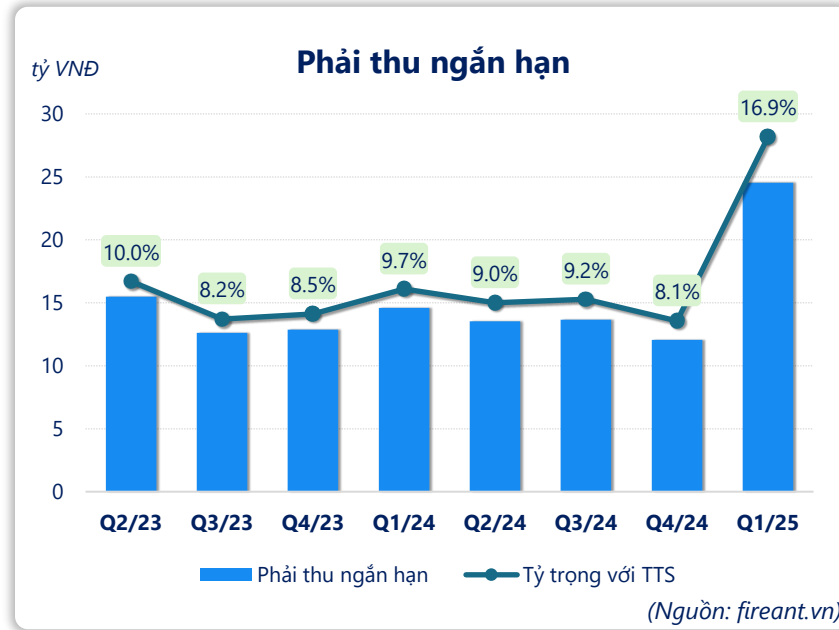
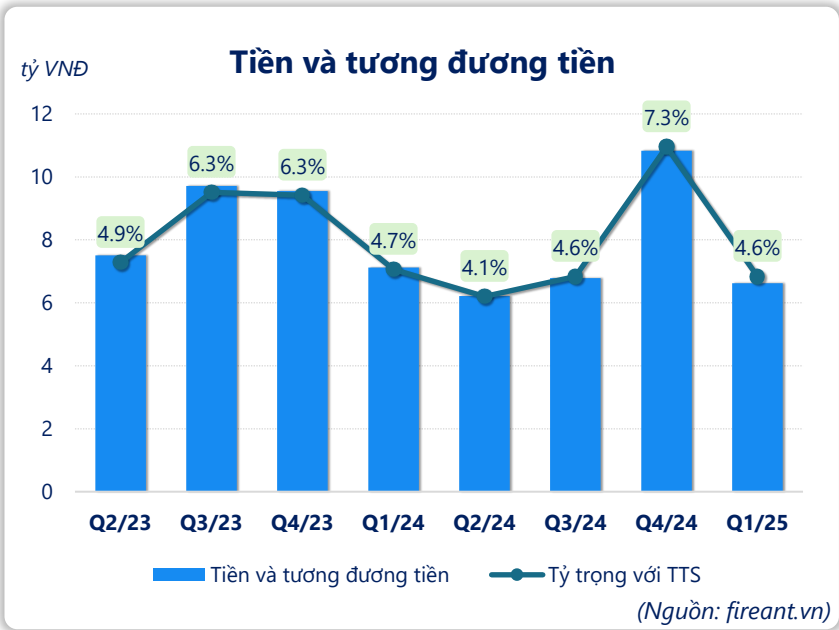
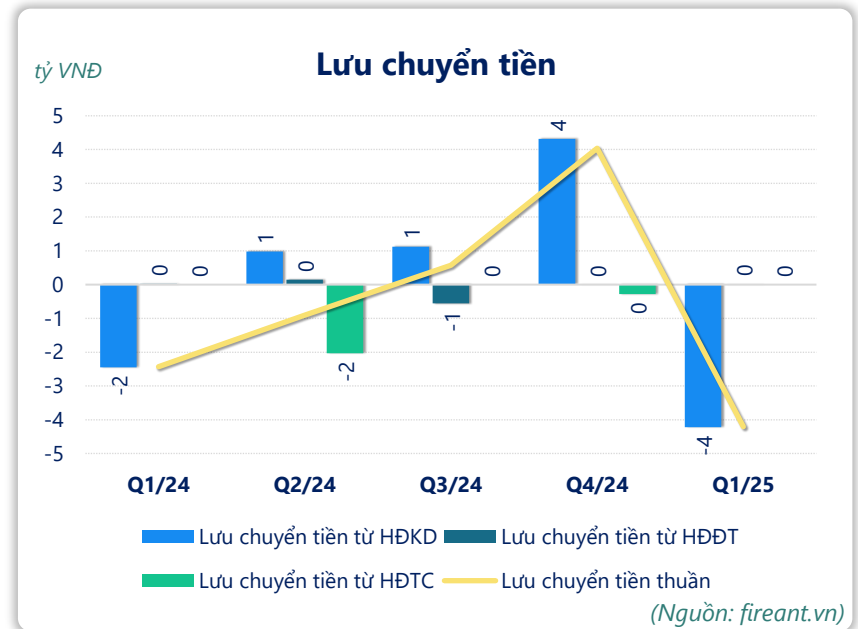
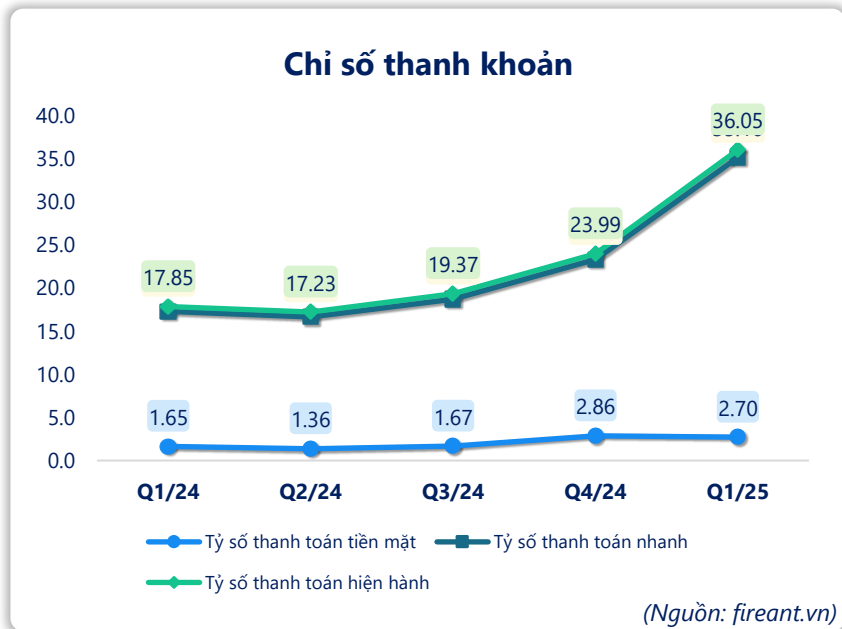
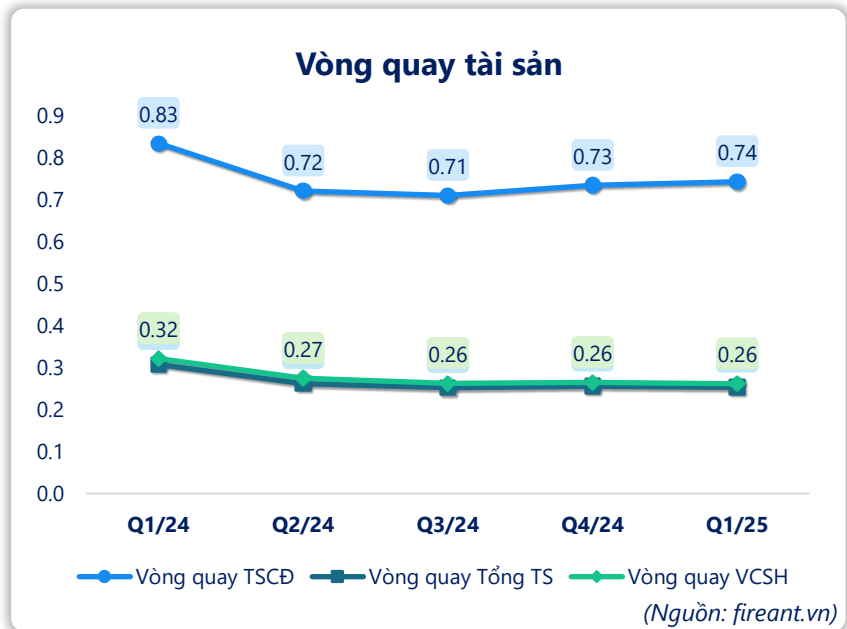
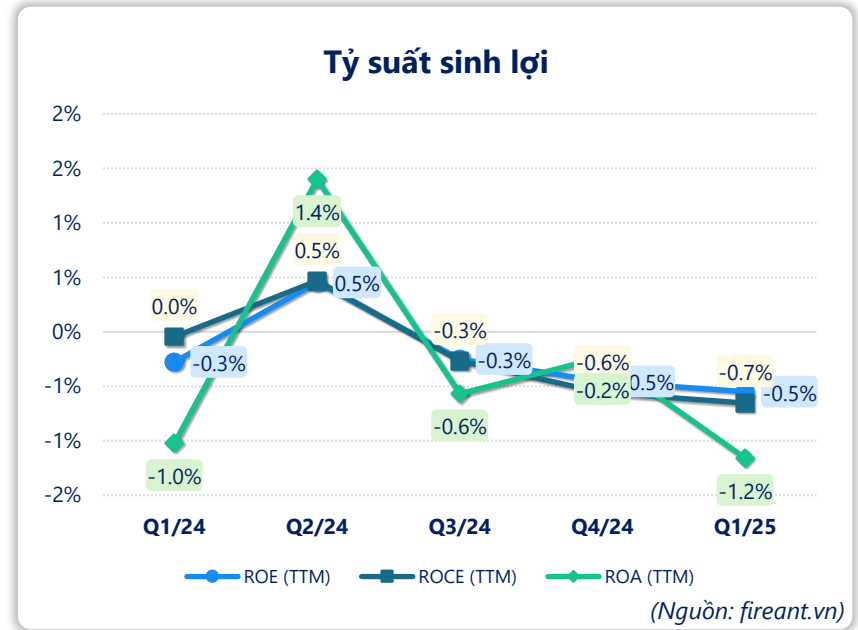
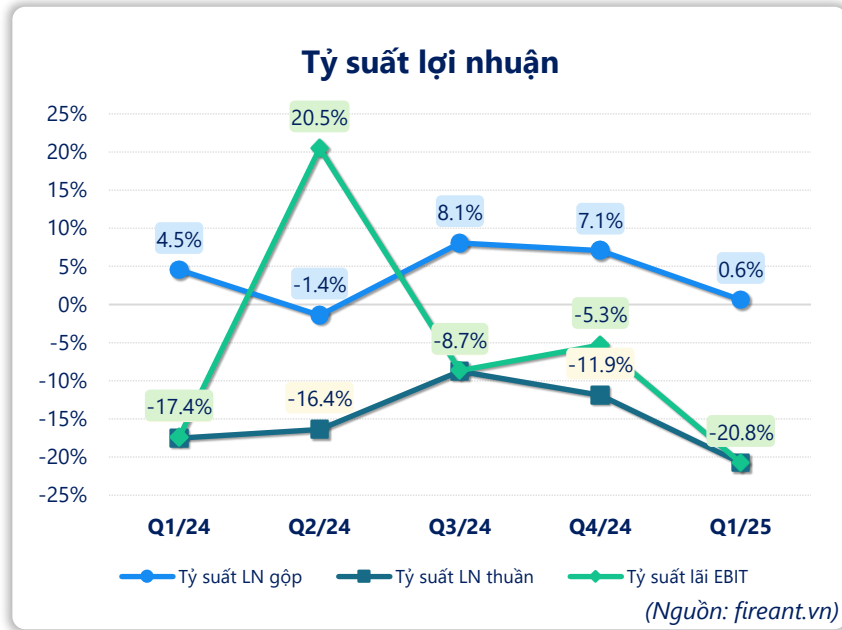
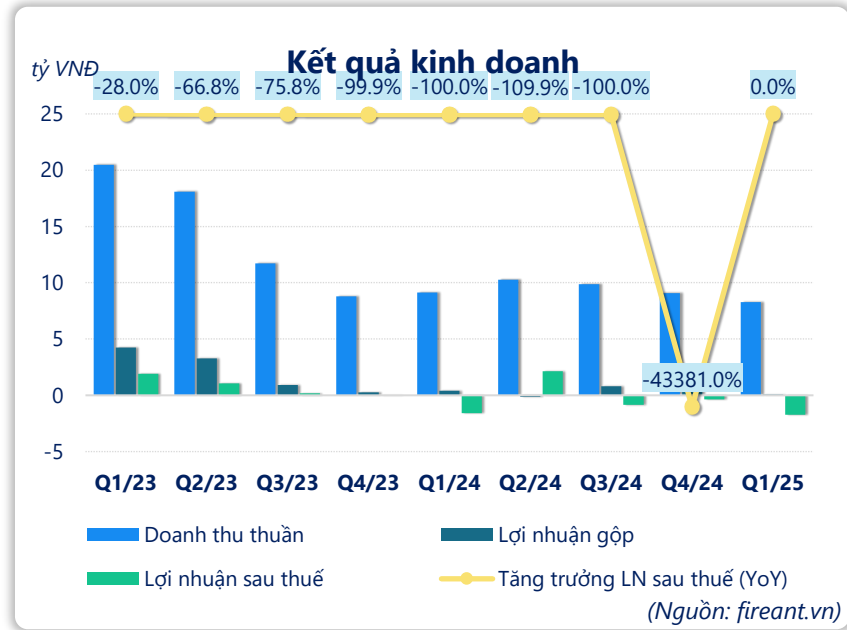


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		8,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		13,210
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		7,045
SL cổ phiếu LH		13,800,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		3,935
% sở hữu nước ngoài		0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		116
P/E		-147.1
EPS		-57

	YTD	1T	3T	6T
CAG	10.5%	0.0%	6.3%	7.7%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	145	148	-2.0%
Tài sản ngắn hạn	88.4	90.6	-2.5%
Tiền và tương đương tiền	6.62	10.8	-38.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	52.0	52.0	0.0%
Phải thu ngắn hạn	24.5	21.9	11.8%
Hàng tồn kho	2.18	2.57	-15.2%
Tài sản ngắn hạn khác	3.07	3.30	-6.9%
Tài sản dài hạn	56.8	57.5	-1.2%
Phải thu dài hạn	0.17	0.53	-67.4%
Tài sản cố định	47.3	49.1	-3.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.64	0.64	-0.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	3.12	3.12	0.0%
Tài sản dài hạn khác	5.52	4.11	34.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	3.68	4.90	-24.8%
Nợ ngắn hạn	2.45	3.67	-33.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.53	0.20	167%
Nợ dài hạn	1.23	1.23	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	142	143	-1.2%
Vốn chủ sở hữu	142	143	-1.2%
Vốn điều lệ	138	138	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	9.14	10.3	9.88	9.08	8.27
Giá vốn hàng bán	8.72	10.4	9.08	8.43	8.22
Lợi nhuận gộp	0.42	-0.15	0.80	0.64	0.05
Doanh thu HĐTC	0.99	0.77	0.69	0.68	0.66
Chi phí TC	0	0	0	0.05	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.35	0.31	0.32	0.29	0.23
Chi phí QLDN	2.66	2.00	2.04	2.05	2.20
LN thuần từ HĐKD	-1.60	-1.68	-0.86	-1.08	-1.72
Lợi nhuận khác	0.01	3.79	0.01	0.60	0.00
LN trước thuế	-1.59	2.11	-0.86	-0.48	-1.72
Lợi nhuận sau thuế	-1.59	2.13	-0.86	-0.35	-1.72
LNST của CĐ cty mẹ	-1.59	2.13	-0.86	-0.35	-1.72

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-2.45	0.98	1.12	4.31	-4.22
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.03	0.15	-0.55	0.00	0.01
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-2.03	0	-0.28	0
Tiền đầu kỳ	9.55	7.12	6.21	6.79	10.8
Lưu chuyển tiền thuần	-2.43	-0.91	0.57	4.04	-4.21
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0	0.00	0
Tiền cuối kỳ	7.12	6.21	6.79	10.8	6.62

(Nguồn: fireant.vn)